

CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN B - STAR VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN B - STAR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B – STAR VIETNAM TRAINING AND COACHING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BSTAR VN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109637950

3. Ngày thành lập: 18/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44 Đường 422, Khu 7, Thị Trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0842664995

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo nhân sự quản lý doanh nghiệp - Dạy toán tư duy (Theo Quyết định 27/2018/QĐ – Ttg); - Hoạt động giáo dục kỹ năng sống (Thông tư 04/2014/ TT – BGDDT)	8559(Chính)
2.	Giáo dục nhà trẻ	8511
3.	Giáo dục mẫu giáo	8512
4.	Giáo dục tiểu học	8521
5.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
6.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
7.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Tư vấn du học.	8560
8.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
10.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
11.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

12.	Sản xuất chè	1076
13.	Sản xuất cà phê	1077
14.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
15.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
16.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
17.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
18.	Bán buôn thực phẩm	4632
19.	Bán buôn đồ uống	4633
20.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
21.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
23.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
32.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
35.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;...	4752
37.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
38.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
39.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

40.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
41.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
42.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
44.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
46.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
50.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
51.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Không bao gồm trung tâm việc làm	7810
52.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
53.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
54.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005) (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	8299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÙ THI LINH TÂM	Việt Nam	Số 14 Ngõ 15 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	038189014928	

2	NGUYỄN VĂN HƯNG	Việt Nam	23/22 Đỗ Hành, Phường Đông Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	038086005869	
---	--------------------	-------------	---	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CÙ THỊ LINH TÂM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038189014928

Ngày cấp: 09/12/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 14 Ngõ 15 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14 Ngõ 15 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội